|  |  |
| --- | --- |
| Sở Nông nghiệp và PTNT**Đơn vị báo cáo** Số: /BC-TTKN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***............, ngày tháng năm 201....* |

**Mẫu**

**BÁO CÁO**

**Tình hình hệ thống tổ chức và hoạt động khuyến nông năm 2020**

**I. Tình hình hệ thống tổ chức và nhân sự khuyến nông**

Thông tin chung về hệ thống tổ chức và nhân sự khuyến nông (báo cáo theo biểu số 1 đính kèm)

**1. Cấp tỉnh:**

*- Tình hình sắp xếp, kiện toàn tổ chức khuyến nông cấp tỉnh theo Nghị quyết 19-NQ/TW (đã thực hiện chưa, có khó khăn, vướng mắc gì không?).*

*- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của đơn vị (có phô tô Quyết định gửi kèm theo).*

*- Công tác quản lý, chỉ đạo, phối hợp triển khai hoạt động khuyến nông trên địa bàn.*

**2. Cấp huyện:**

*- Tình hình sắp xếp, kiện toàn Trạm Khuyến nông cấp huyện theo Nghị quyết 19-NQ/TW (đã thực hiện chưa, có khó khăn, vướng mắc gì không?).*

*- Cơ chế phối hợp, triển khai hoạt động khuyến nông với các hoạt động dịch vụ nông nghiệp khác trên địa bàn (BVTV, thú y,…).*

**3. Cấp cơ sở:**

*- Khuyến nông viên xã: số lượng, chế độ, hình thức tổ chức, quản lý.*

*- Cộng tác viên khuyến nông: số lượng, chế độ, hình thức tổ chức, quản lý.*

**Nhận xét, đánh giá về hệ thống tổ chức khuyến nông ở địa phương hiện nay:**

*- Ưu điểm:*

*- Nhược điểm, hạn chế:*

**II. Kết quả hoạt động Khuyến nông năm 2020**

1. **Kinh phí đầu tư cho khuyến nông năm 2020 (thông qua đơn vị):**

| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí (tr.đ)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Ngân sách địa phương (cả tỉnh, huyện, xã)** |  |  |
| ***1*** | ***Cho hoạt động bộ máy*** |  |  |
| ***2***  | ***Cho hoạt động khuyến nông*** |  |  |
| 2.1 | Xây dựng mô hình |  |  |
| 2.2 | Đào tạo, tập huấn |  |  |
| 2.3 | Thông tin tuyên truyền |  |  |
| 2.4 | Quản lý |  |  |
| **II** | **Ngân sách trung ương** |  |  |
| 1 | Xây dựng mô hình |  |  |
| 2 | Đào tạo, tập huấn |  |  |
| 3 | Thông tin tuyên truyền |  |  |
| 4 | Quản lý |  |  |
| **III** | **Nguồn khác** |  |  |
| 1 | Xây dựng mô hình |  |  |
| 2 | Đào tạo, tập huấn |  |  |
| 3 | Thông tin tuyên truyền |  |  |
| 4 | ……. |  |  |
| **Tổng cộng** |  |  |

1. **Các nội dung phối hợp triển khai các dự án khuyến nông Trung ương trên địa bàn:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên dự án** | **Tổ chức chủ trì** | **Nội dung tham gia** | **Kinh phí****(Tr. đ)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |

1. **Những mô hình điểm, tiên tiến cần tuyên truyền, nhân rộng** (*Giới thiệu tối đa 3 mô hình, nêu rõ nội dung, địa điểm*)**:**

**III. Định hướng tổ chức và hoạt động khuyến nông trong thời gian tới:**

1. **Về tổ chức:**
2. **Nội dung, nhiệm vụ:**
3. **Giải pháp:**

**Thủ trưởng đơn vị**

 (ký tên, đóng dấu)

**BIỂU SỐ 1**

**HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ KHUYẾN NÔNG NĂM 2020**

| **TT** | **Tỉnh/ Tp** | **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp cơ sở** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên gọi** | **Cơ cấu tổ chức** (ghi rõ tên các phòng, đơn vị chức năng trực thuộc) | **Các Trạm, Trại** (sản xuất, thực nghiệm, trình diễn) | **Tổng số** (cán bộ viên chức, người lao động) | **Tên gọi** | **Số lượng** (Trạm, Trung tâm,..) | **Số lượng** (cán bộ hoạt động khuyến nông) | **Cấp quản lý** | **Khuyến nông viên xã** (số lượng cán bộ, chế độ, cấp quản lý) | **Cộng tác viên KN thôn, bản** (số lượng cán bộ, chế độ, cấp quản lý) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**BIỂU SỐ 2**

**KINH PHÍ ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2018- 2020**

 *ĐVT: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Diễn giải** | **Tổng số** | **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** | **Ghi chú** |
|  | **Năm 2018** |  |  |  |  |  |
| 1 | Chi bộ máy |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi hoạt động |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Xây dựng mô hình |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Đào tạo, tập huấn |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Tuyên truyền |  |  |  |  |  |
| 2.4 | Quản lý |  |  |  |  |  |
|  | **Năm 2019** |  |  |  |  |  |
| 1 | Chi bộ máy |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi hoạt động |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Xây dựng mô hình |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Đào tạo, tập huấn |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Tuyên truyền |  |  |  |  |  |
| 2.4 | Quản lý |  |  |  |  |  |
|  | **Năm 2020** |  |  |  |  |  |
| 1 | Chi bộ máy |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi hoạt động |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Xây dựng mô hình |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Đào tạo, tập huấn |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Tuyên truyền |  |  |  |  |  |
| 2.4 | Quản lý |  |  |  |  |  |
| **Tổng năm 2018- 2020** |  |  |  |  |  |
| 1 | Chi bộ máy |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi hoạt động |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Xây dựng mô hình |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Đào tạo, tập huấn |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Tuyên truyền |  |  |  |  |  |
| 2.4 | Quản lý |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |